

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: **3923**/NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Cung cấp vật tư và công cụ,
dụng cụ phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày **24** tháng **11** năm 2025

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp vật tư và công cụ, dụng cụ phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu.

Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 01/12/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão



PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 3923 /NĐĐT-KHVT ngày 24 /11 /2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Giảm chấn	Thông số: M16x24x105 (Bao gồm cao su giảm chấn)		Bộ	12				
2	Đồng hồ đo áp lực	Quy cách: DN100; dải đo: 0-1,6Mpa ; vật liệu: SUS 304; bước ren: M20x1,5		Cái	13				
3	Phốt	Kích thước: 32x47x10, loại TC		Cái	02				
4	Phốt	Kích thước: 32x45x7, loại TC		Cái	01				
5	Đèn báo không ống khói	Kích thước đường kính chụp đèn 300mm; màu sắc ánh sáng đỏ; kiểu sáng cố định; chụp kính bảo vệ bằng thủy tinh; cần bảo vệ IP65; Modul phát sáng: cụm LED hình lục giác ánh sáng 360 độ; điện áp: 220VAC		Cái	12				
6	Máy xác định nhiệt lượng của than	Mã hiệu: 6200 của nhà sản xuất Parr Instrument		Cái	01				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
7	Bu lông	Kích thước: M24x140; cấp bền: A4-70; vật liệu: SUS316; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 ê cu)		Bộ	60				
8	Máy thổi dùng pin 18V	Bao gồm 01 Pin Li-on18V - 5.0Ah; 01 bộ sạc nhanh Makita; 01 ống thổi tiêu chuẩn; 01 Hướng dẫn sử dụng		Cái	05				
9	Máy vặn dùng pin	Combo Makita - Máy vặn vít DTD171 - 1 Pin 18V 3.0Ah - 1 Sạc & Valy nhựa. Bao gồm: Pin Makita 3.3 Makita BL1830B; 18V Máy vặn vít dùng pin Makita DTD171Z; Thùng đựng máy khoan		Cái	01				
10	Cáp vải cầu hàng	Kiểu: EB-50-2T, 2T-3m; Chất liệu: Polyete		Cái	02				
11	Dây hơi khí nén	Phi 16 PU 16x12; Cuộn 100m		Cuộn	05				
12	Cuốc loe to cán sắt	Chiều dài cán 1m2; Lưỡi rộng 30cm; nặng 1,7Kg		Cái	20				
13	Súng bơm mỡ dùng	Mã hiệu: GZ-D714; Thân súng bơm mỡ và ống đựng mỡ 600cc;		Cái	06				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	pin	1 bộ pin 21V dung lượng 4000Ah; 1 bộ sạc điện 220V; 1 ống bơm mềm; 1 ống bơm cứng; Vú bơm mỡ nhon 1 gạt mỡ của nhà sản xuất Kocu							
14	Pin tiểu	1,5V-AA		Đôi	140				
15	Bút thử điện áp cao kiểu tiếp xúc	Mã hiệu: 276HD; 3kV~24kV AC; 354 - 1005 mm của nhà sản xuất Sew		Cái	01				(**)
16	Bút thử điện áp cao không tiếp xúc	Mã hiệu: 275HP; Điện áp đo: 240VAC-220kV của nhà sản xuất Sew		Cái	01				(**)
17	Máy đo rò rỉ Hydro	Mã hiệu: SP secure (H2) của nhà sản xuất Senko		Cái	01				(**)
18	Máy thổi bụi dùng pin	Mã hiệu: GBL 18V-120 của nhà sản xuất Bosch (Không kèm pin, sạc)		Bộ	04				(**)
19	Tuốc nơ vít 2 đầu	Mã hiệu: AK-6994; Kích thước: 6mm của nhà sản xuất Asaki		Cái	09				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
20	Mỏ lết	Mã hiệu: 47250; Bọc nhựa, kích thước 8"/200mm của nhà sản xuất Sata		Cái	09				(**)
21	Kìm mỏ nhọn	Mã hiệu: CRO-548-837 (8-1/2") của nhà sản xuất Crossman		Cái	08				(**)
22	Kìm điện	Mã hiệu: APP-225 của nhà sản xuất FUJIYA		Cái	09				(**)
23	Kìm cắt	Mã hiệu: 84-027 (STHT84027-8) của nhà sản xuất Stanley		Cái	08				(**)
24	Ampe kìm	Mã hiệu: KEW 2200 của nhà sản xuất Kyoritsu		Cái	03				(**)
25	Máy đo điện trở cách điện	Mã hiệu: 3165 của nhà sản xuất Kyoritsu		Cái	02				(**)
26	Máy đo điện trở cách điện	Mã hiệu: 3166 của nhà sản xuất Kyoritsu		Cái	02				(**)
27	Túi đựng đồ nghề	Mã hiệu: AK-9987; 32x15x24 cm của nhà sản xuất Asaki		Cái	08				(**)
28	Giá phơi dụng cụ thí nghiệm	Nhựa PP, đúc liền 52 vị trí		Cái	02				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
29	Cốc nhựa	Dung tích: 100ml; chất liệu: nhựa PP; có vạch chia		Cái	10				
30	Cốc nhựa	Dung tích: 250ml; chất liệu: nhựa PP; có vạch chia		Cái	50				
31	Cốc nhựa	Dung tích: 1000ml; chất liệu: nhựa PP; có vạch chia		Cái	10				
32	Ca nhựa có quai, có nắp đậy	Dung tích: 2000ml; chất liệu: nhựa PP; có vạch chia		Cái	10				
33	Ca nhựa có quai, có nắp đậy	Dung tích: 5000ml; chất liệu: nhựa PP; có vạch chia		Cái	10				
34	Bình tam giác	Dung tích: 250ml; chất liệu: thủy tinh; có vạch chia		Cái	20				
35	Nhót kế đo độ nhớt của dung dịch	Đường kính ống phễu 1.2		Cái	02				
36	Máy đo PH cầm tay	Mã hiệu: PH210-K của nhà sản xuất Horiba		Cái	01				(**)
37	Bộ cờ lê 2 đầu vòng	Mã hiệu: WFS5M10 (10 chi tiết với các kích thước từ 6mm đến 32mm) của nhà sản xuất WADFOW		Bộ	01				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
38	Búa đầu vuông	2LB KPS (6C/H,24C/T) - K-9570		Cái	02				
39	Xẻng + cán gỗ	Loại: HM616; Chiều dài toàn xẻng: 120 cm		Cái	04				
40	Đầu đo cảm ứng pH	Mã hiệu: HI1131B của nhà sản xuất Hanna		Cái	01				(**)
41	Đầu đo độ dẫn	Mã hiệu: HI76310 của nhà sản xuất Hanna		Cái	01				(**)
42	Điện cực đo pH	Mã hiệu: 9652-10D của nhà sản xuất Horiba		Cái	01				(**)
43	Điện cực nhựa đo độ dẫn	Mã hiệu: 9383-10D của nhà sản xuất Horiba		Cái	01				(**)
44	Máy bơm chìm	Mã hiệu: EFS-50T của nhà sản xuất Evergush, có thông số kỹ thuật như sau: - Lưu lượng: 72m3/h - Công suất: 5HP - Cột áp: 23m - Điện áp: 3 Phase- 380V/50Hz - Trọng lượng: 55 Kg - Thân inox.		Cái	01				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
45	Bơm chìm	Thông số kỹ thuật: 20HP/15kW-380V, 95m ³ /h; Hmax 50m của nhà sản xuất Daphovina		Cái	02				
46	Máy rửa xe cao áp	Mã hiệu: KMS-350/15; Công suất mô tơ: 15 kW; Áp lực phun tối đa: 400 bar; Điện áp sử dụng: 380V của nhà sản xuất Kumisai		Cái	01				(**)
47	Máy đo độ rung cầm tay	Mã hiệu: VM-63C của nhà sản xuất Rion		Cái	02				(**)
48	Súng bắn nhiệt độ hồng ngoại	Mã hiệu: 59 Max của nhà sản xuất Fluke		Cái	01				(**)
49	Bơm Mỡ 2 Ty Bằng Tay 900cc	Mã hiệu: K-0425 của nhà sản xuất Kapusi		Cái	20				(**)
50	Xẻng thép vuông	Kích thước: 25x28cm; bao gồm cả cán xẻng		Cái	20				
51	Xe rửa	Kích thước: 1200x600x200 mm; Bánh cao su lốp đặc		Cái	02				
52	Xà beng thép	Dài 1m5, một đầu bẹt, một đầu nhọn		Cái	02				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
53	Cuốc chim	Cán dài 85cm; nặng hơn 3kg; tay cầm sợi thủy tinh		Cái	02				
54	Xe đẩy hàng	Mã hiệu: WFA-300DX; kích thước: 90x60x89 cm của nhà sản xuất Nikawa		Cái	01				(**)
55	Thang nhôm rút gọn Sumika SKS510	Mã hiệu: SKS510 của nhà sản xuất Sumika		Cái	01				(**)
56	Tủ tài liệu sắt	Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm; Màu sắc: xám		Cái	01				
57	Máy hàn điện tử xách tay	Mã hiệu: HK 200A; IGBT của nhà sản xuất Hồng Ký		Cái	01				(**)
58	Phốt làm kín cơ khí	Mã hiệu: 202-14; Đường kính trục 14mm; Vật liệu: Carbon-Sic-TC; lò xo SUS304 của nhà sản xuất Jiashan Xingda Chemical Seals Co.,Ltd		Cái	01				(**)
59	Phốt làm kín cơ khí	Mã hiệu: EA560-14; Đường kính trục 14mm; Vật liệu: Carbon-Sic-TC; lò xo SUS304 của nhà sản xuất Eagle Burgman		Cái	01				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
60	Cút vuông 90 độ (Kiểu kết nối hàn)	Quy cách: Ø42x3mm; Vật liệu: SUS304		Cái	02				
61	Rắc co	Quy cách: DN32, phi 42mm; Vật liệu: SUS304		Cái	01				
62	Tủ đựng bình cứu hỏa	Kích thước: H800xW750xD500mm; Kích thước chân đế cao 200mm; dày 1,5mm; Vật liệu: SUS304		Cái	20				
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bảng chữ:								

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét;
- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.